

Bản án số: 06/2025/HN&GD-ST

Ngày: 28/3/2025

V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Tạ Thị Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Tôn;

Ông Nguyễn Hồng Hải.

Thư ký phiên toà: Bà Trịnh Thị Thương Thương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên tham gia phiên toà:
Ông Hoàng Đức Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số: **285/2024/HN&GD-ST** ngày **23/12/2024** về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **09/2025/QĐXX-ST**, ngày **21/02/2025** giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thu H, sinh năm 2004;

ĐKHKTT: xóm Đ, xã M, T.P P, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện nay: Tổ F, phường C, T.P S, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Trần Anh H1, sinh năm 2000;

ĐKHKTT: xóm Đ, xã M, T.P P, tỉnh Thái Nguyên.

(Chị H có mặt, anh H1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Trần Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H tự nguyện kết hôn với anh Trần Anh H1, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên vào năm 2022 và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tại địa phương. Sau khi kết hôn, chị H về nhà anh H1 làm dâu, cuộc sống chung hạnh phúc được khoảng 01 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, anh Hà ham C, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Chị H đã khuyên bảo anh H1 nhiều lần nhưng không có kết quả. Hai bên gia đình cũng đã động viên chị nhiều lần cố gắng để giữ gìn hạnh phúc gia đình nhưng anh H1 không thay đổi. Mâu thuẫn trầm trọng, tháng 10/2024 sau khi xảy ra cãi vã, anh H1 đã vứt hết quần áo, đồ đạc của chị H và đuổi chị H ra khỏi nhà. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở tại Tổ F, phường C,

thành phố S, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Anh H1 không quan tâm gì đến việc con chung hoặc đề nghị để đoàn tụ. Nay chị H xác định cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, chị không còn tình cảm với anh H1, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H1.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh H1 xác định có 01 con chung là cháu Trần Anh K, sinh ngày 13/4/2023. Khi ly hôn, chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, khoản cho vay chung: Không có.

Bị đơn, anh Trần Anh H1: Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Toà án như: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh Trần Anh H1 nhưng anh H1 không có mặt theo triệu tập, không có ý kiến gì.

Toà án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ về tình trạng hôn nhân giữa chị Trần Thu H và anh Trần Anh H1:

Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công an xã M về nơi cư trú, sự có mặt/vắng mặt tại địa phương của anh Trần Anh H1, xác định: Qua trao đổi, xác minh, Công an xã M cung cấp thông tin: Anh Trần Anh H1, sinh năm 2000, có hộ khẩu thường trú tại xóm Đ, xã M, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên; Không có thông tin tạm vắng, tạm trú của anh H1.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, Trưởng xóm Đ - bà Nguyễn Thị Q đã cung cấp thông tin như sau: Chị H, anh H1 là công dân trên địa bàn địa phương, được gia đình tổ chức lễ cưới hỏi từ năm 2022. Tại địa phương nắm được chị H, anh H1 có mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do anh Hà ham C, không tu chí làm ăn, nay chị H đã về nhà mẹ đẻ tại Sông C sinh sống.

Toà án đã tiến hành xác minh với gia đình anh H1 thì được bà Đỗ Thị H2 là mẹ đẻ anh H1 cung cấp thông tin như sau: Anh Trần Anh H1 kết hôn với chị Trần Thu H vào năm 2022. Sau khi kết hôn vợ chồng anh H1 sống cùng gia đình bà. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc hoà thuận được khoảng 01 năm đầu thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, anh H1 mãi chơi, hai bên gia đình đã khuyên bảo nhiều lần, hàn gắn để hai cháu về ở với nhau và cùng xây dựng hạnh phúc gia đình, cùng nuôi dạy con cái. Nay chị H có đơn ly hôn, gia đình không nhất trí, mong muốn hai con đoàn tụ về ở với nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thu H được ly hôn với anh Trần Anh H1.
- *Về con chung:* Giao cháu Trần Anh K cho chị Trần Thu H trực tiếp nuôi dưỡng.
- *Về án phí:* Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Thu H khởi kiện về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, là vụ án về Hôn nhân và gia đình. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xóm Đ, xã M, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết, xét xử thuộc về Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

[2]. Về thủ tục hòa giải: Trong vụ án này, nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải, thuộc trường hợp những vụ án dân sự không tiến hành hoà giải được. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không mở phiên họp hòa giải theo quy định tại khoản 4 Điều 207 và khoản 2 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nguyên đơn có mặt, bị đơn không có yêu cầu phản tố, vắng mặt lần thứ hai không vì trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng; Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án làm việc nên không có quan điểm về việc giải quyết vụ án. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thu H và anh Trần Anh H1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên vào năm 2022, được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị H và anh H1 chung sống hạnh phúc cho đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do anh H1 không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2024 cho đến nay không còn quan tâm đến cuộc sống riêng của nhau nữa.

Căn cứ lời trình bày của chị H và kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại gia đình và địa phương cho thấy: Chị H và anh H1 không có sự chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau, không chung sống với nhau một thời gian, chị H không còn tình cảm với anh H1, anh H1 không là chỗ dựa về tinh thần cho chị H là thực tế. Anh H1 đã được chị H và Tòa án thông báo về việc chị H có đơn xin ly hôn nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh H1 không có ý kiến gì điều đó thể hiện anh H1 không thực sự mong muốn níu kéo, hàn gắn cuộc hôn nhân này, tự mình từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng

của mình trước yêu cầu khởi kiện của chị H. Do đó, có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình.

[5]. Về con chung: Quá trình chung sống chị H và anh H1 có 01 con chung là cháu Trần Anh K, sinh ngày 13/4/2023. Khi ly hôn, chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

Xét nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của chị H thấy: Cháu Trần Anh K còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi), từ khi vợ chồng ly thân thì con chung sống cùng mẹ. Chị H có nơi ở, công việc và thu nhập ổn định (thu nhập bình quân 7.400.000đ/tháng), đủ điều kiện để chăm sóc cho con chung nên chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K cho đến khi trưởng thành. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh H1 không đến làm việc, không có quan điểm, nguyện vọng gì về việc trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Xem xét quyền lợi về mọi mặt của con chung Hội đồng xét xử cần giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh H1 cho đến khi có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[6]. Về tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung: Không có.

[7]. Về án phí: Nguyên đơn, chị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ, phù hợp, cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thu H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thu H được ly hôn với anh Trần Anh H1.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Anh K, sinh ngày 13/4/2023 cho chị

Trần Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), có khả năng lao động hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Trần Anh H1 cho đến khi có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở họ thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung, khoản cho vay chung*: Không có.

4. *Về án phí*: Chị Trần Thu H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001399 ngày 23/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

5. *Về quyền kháng cáo*: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố Phổ Yên;
- Chi cục THADS thành phố Phổ Yên;
- UBND xã Minh Đức (ĐKKH số 50, ngày 27/9/2022);
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Dung

